

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 215/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thu H, sinh ngày 29/3/1993, Số CCCD: Nơi cư trú: Tổ D, ấp C, xã S, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 07/9/1976, số CCCD: Nơi cư trú: Khu phố P, phường T, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hôn nhân*: Bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Lê Hải T1, sinh ngày 15/9/2014 và Nguyễn Lê Hải Đ, sinh ngày 30/4/2020.

Sau ly hôn, buộc ông Nguyễn Văn T giao cháu Nguyễn Lê Hải T1 và cháu Nguyễn Lê Hải Đ cho bà Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. *Về tài sản chung*: Bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Không có.

2.5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lê Thị Thu H và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng bà H tự nguyện nộp thay phần án phí của ông T. Như vậy, bà H phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001310 ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà H đã nộp xong án phí và được hoàn trả số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 12 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND phường Vũng Tàu, TP. HCM;
- (ĐKKH số 88 ngày 03/10/2022);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Bảo Ngọc